

TTT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền
đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... Ngày: .. 29/3/21

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành
Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về
tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ủy ban nhân dân phường thuộc quận, Ủy ban nhân dân phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân phường).

5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định về quản lý công chức

1. Công chức của Ủy ban nhân dân phường thuộc biên chế công chức của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và do Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi là Chủ tịch quận), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi là Phó Chủ tịch quận), giao quyền Chủ tịch quận, quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Chủ tịch phường), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Phó Chủ tịch phường), người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, giao quyền Chủ tịch phường theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật về thẩm quyền và phân cấp, ủy quyền.

5. Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường.

Điều 4. Chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách tại các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mỗi Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có 01 Ủy viên hoạt động chuyên trách. Ủy viên hoạt động chuyên trách do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê chuẩn theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

2. Chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách (sau đây gọi là Ủy viên chuyên trách) tại các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định như sau:

- a) Ủy viên chuyên trách Ban Pháp chế;
- b) Ủy viên chuyên trách Ban Kinh tế - ngân sách;
- c) Ủy viên chuyên trách Ban Văn hóa - xã hội;
- d) Ủy viên chuyên trách Ban Đô thị.

3. Tiêu chuẩn chức danh Ủy viên chuyên trách:

- a) Là đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đương nhiệm;
- b) Có trình độ đại học trở lên, có khả năng tham gia xây dựng chính sách và tổ chức các hoạt động giám sát, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực phù hợp chức danh Ủy viên chuyên trách quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Ủy viên hoạt động chuyên trách được hưởng lương theo quy định pháp luật hiện hành đối với cán bộ, công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ bằng chức danh trưởng phòng cấp sở.

Điều 5. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

- a) Chủ tịch quận;

- b) Phó Chủ tịch quận;
- c) Trưởng Công an quận;
- d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận;
- đ) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;
- e) Các cơ quan hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP để quy định cụ thể tên gọi và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận cho phù hợp. Riêng Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận gọi là Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

3. Việc thành lập các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và theo quy định pháp luật chuyên ngành.

4. Việc thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân quận

1. Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chủ tịch quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

3. Phó Chủ tịch quận giúp Chủ tịch quận giải quyết các công việc theo phân công của Chủ tịch quận, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản điều hành, giải quyết công việc và ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

Trường hợp khuyết Chủ tịch quận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao quyền Chủ tịch quận cho một Phó Chủ tịch quận cho đến khi có quyết định bổ nhiệm Chủ tịch quận.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận quy định tại các khoản 2, 3, 5 và 11 Điều 5 Nghị quyết số 131/2020/QH14 phải được thảo luận tập thể trước khi Chủ tịch quận quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Công chức của quận làm việc theo quy chế làm việc, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch quận, Phó Chủ tịch quận, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể mời thêm các thành phần khác có liên quan.

5. Hoạt động của Ủy ban nhân dân quận nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại quận và theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân quận phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

7. Khi cần thiết, Chủ tịch quận ủy quyền cho Phó Chủ tịch quận, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch phường để giải quyết một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 9. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy chế làm việc, do Chủ tịch quận triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chủ tịch quận mời Bí thư quận ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của quận, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của quận, đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ứng cử trên địa bàn quận tham dự cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.